TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUYÊN HẢI** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2019
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Truyền

Các Hội thẩm N dân:

Bà Trần Lệ Tuyết

Ông Bùi Vĩnh Thụy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án N dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Cảnh, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án N dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXX-ST ngày 22/4/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị H, sinh năm 1978. Quê quán: ấp XMC, xã ThX, huyện CTA, tỉnh Hậu Giang. Nơi cư trú: kh2, ph1, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh; Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn N, sinh năm 1978. Địa chỉ: kh2, ph1, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/01/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị H trình bày: bà và ông Phạm Văn N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã NL, huyện DH. Sau khi kết hôn cuộc sống gia đình hạnh phúc đến năm 2017 thì bà phát hiện ông N sinh sống như vợ chồng với người phụ nữ khác nên cuộc sống gia đình xảy ra mâu thuẫn ngày trầm trọng, bà đã bỏ về quê HG sinh sống. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N và yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phạm Ngọc N Y, sinh ngày 24/02/2008 và Phạm Chí C, sinh ngày 25/02/2013; không yêu cầu anh Phạm Văn N cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/02/2019, bị đơn ông Phạm Văn N trình bày đồng ý với bà H về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, con chung. Bị đơn ông N đồng ý ly hôn và giao hai con chung cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, bị đơn ông N từ chối gặp bà H để hòa giải và xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà H tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình và chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Bà Võ Thị H và ông Phạm Văn N kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn N và gia đình năm 2000 nên hôn N của bà H và ông N hợp pháp. Sau kết hôn, đến năm 2017 cuộc sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn được bà H và ông N thừa nhận là đúng, vợ chồng bỏ mặc ai sống ra sao thì sống. Tại phiên tòa, bà H cương quyết ly hôn, do hôn N đã đến mức trầm trọng, từ đó yêu cầu ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận. Về con chung, giao cháu Phạm Ngọc N Y, Phạm Chí C cho bà Võ Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của con chung Phạm Ngọc N Y). Về cấp dưỡng bà H không yêu cầu, tài sản chung, nợ chung không có nên không xét. Từ đó, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

+ Kiến nghị khắc phục vi phạm: không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung đối với ông Phạm Văn N. Căn cứ quy định tại Điều 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Phạm Văn N có nơi cư trú tại kh2, ph1, thị xã DH nên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn ông Phạm Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa,

ông Phạm Văn N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bà Võ Thị H và ông Phạm Văn N xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết theo đúng quy định của Luật hôn N và gia đình năm 2000 nên hôn N của bà H và ông N là hợp pháp. Sau kết hôn, bà H và ông N chung sống có hai con chung là thể hiện một gia đình hạnh phúc. Đến năm 2017, đã xảy ra mâu thuẫn bà H dẫn các con về HG sinh sống, đến nay giữa bà H và ông N đã không còn yêu thương, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc ai sống ra sao thì sống. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần nhưng ông N từ chối gặp bà H nên không thể hàn gắn đoàn tụ được và ông N chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Tại phiên tòa bà H xác định không thể tiếp tục sống chung với ông N và cương quyết ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn N giữa bà H và ông N đã mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn N cũng không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông N.

[4] Bị đơn ông Phạm Văn N có lời khai đồng ý giao con chung Phạm Ngọc N Y, sinh ngày 24/02/2008; Phạm Chí C, sinh ngày 25/02/2013 cho bà H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi được hỏi ý kiến, Phạm Ngọc N Y có nguyện vọng sống với bà H. Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho bà H được tiếp tục nuôi hai con chung; bà H không có yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[6] Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con đối với ông Phạm Văn N;

Cho bà Võ Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung Phạm Ngọc N Y, sinh ngày 24/02/2008; Phạm Chí C, sinh ngày 25/02/2013 cho bà Võ Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng

(theo nguyện vọng của con chung Phạm Ngọc N Y). Sau khi ly hôn, ông Phạm Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông Phạm Văn N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Võ Thị H có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của ông Phạm Văn N. Về cấp dưỡng bà H không có yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: bà Võ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn N sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0019566 ngày 21/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Bị đơn ông Phạm Văn N không phải chịu án phí.

6. Quyền kháng cáo: bà Võ Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Phạm Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND thị xã Duyên Hải;
- CCTHADS thị xã Duyên Hải;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND phường 1;
- UBND xã Ngũ Lạc
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Truyền

HỘI THẨM	**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Hà Văn Quen- Trần Lệ Tuyết	**Nguyễn Văn Truyền**